

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1066/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 627/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1990

Thường trú: Số 64/1, Đường Lê Thị Hoa, khu phố 3, phường Bình Chiểu, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1994

Thường trú: Đường H, khu phố M, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường L, khu phố B, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/5/2018. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng ngay khi kết hôn đã không hạnh phúc, đến năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do đôi bên bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng L có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Ông L yêu cầu được ly hôn với bà H; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Bà Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Hoàng L yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc H. Theo Kết quả xác minh của Công an phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà H có thực tế cư trú tại số 64/1, Đường L, khu phố B, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn ông L có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/5/2018 và được Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận

T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 62. Do đó, căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, ông L cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà H vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Hiện vợ chồng đã ly thân. Bà H đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không rõ lý do, không thể hiện ý kiến muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

- Về con chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn nên ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Ngọc H.

1.2 Về con chung: Đương sự xác định không có.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057330 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hoàng L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận T, TPHCM;
- Chi cục THADS quận T, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu